Signature Not Verified
Được ký bởi NGUYỄN ĐÌNH THÁI
Ngày ký: 28.03.2014 18:29

CÔNG TY CỔ PHẦN **XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1032 /XNK-QLCĐ v/v: Công bố thông tin (Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2013)	*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014*

Kính gửi: - Uỷ ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không
2. Mã chứng khoán: ARM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 414 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, TP Hà Nội
4. Điện thoại: 04.38271939 – 38271351 Fax: 04.38271925
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đình Thái
6. Nội dung thông tin công bố:
   6.1 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013 của CTCP Xuất nhập khẩu Hàng không được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin công bố: airimex.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:
-Như trên;
-Lưu văn thư, QLCĐ

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Nguyễn Đình Thái

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Hà Nội, tháng 3 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 30

CNT31NA155 L2898-60004

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đặng Xuân Cử	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 03/6/2013)
Ông Nguyễn Đình Tùng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 29/5/2013)
Ông Nguyễn Quốc Trưởng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 01/10/2013)
Ông Lê Văn Kim	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 01/10/2013)
Ông Trần Chí Dũng	Ủy viên	
Ông Đoàn Minh Phú	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 29/5/2013)
Ông Phạm Hồng Quang	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 16/4/2013)
Ông Đinh Ngọc Chủng	Ủy viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Dương Thị Việt Thắm	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Thanh Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Nguyệt Nga	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Quốc Trưởng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2013)
Ông Lê Văn Kim	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2013)
Ông Đinh Ngọc Chủng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thái	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê chuẩn rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0100107934 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG
Q. LONG BIÊN - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Quốc Trưởng
Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2014

RSM DTL Auditing
Connected for Success

Văn phòng Hà Nội
Tầng 7, Tòa nhà Lotus, Số 2 Đường Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: +844 3795 53 53 | Fax: +844 3795 52 52
www.rsm.com.vn | dtl_hanoi@rsm.com.vn

Số.09/2014/DTLHN - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng Không**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không ("Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty thấy cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.C.N: 0302361789-001 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN D.T.L CHI NHÁNH HÀ NỘI
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thành Lâm
Giám đốc
Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề:
0299-2013-026-1

Trần Thế Thụ
Kiểm toán viên
Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề:
2382-2013-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**92.799.061.208**	**116.848.149.997**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4.1**	**20.360.846.173**	**34.294.346.747**
1. Tiền	111		10.360.846.173	18.294.346.747
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	16.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**59.379.009.143**	**57.870.377.091**
1. Phải thu của khách hàng	131	4.2	52.440.903.051	38.870.153.590
2. Trả trước cho người bán	132	4.3	6.938.106.092	21.524.334.933
3. Các khoản phải thu khác	135		-	23.154.901
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.2	-	(2.547.266.333)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**4.4**	**12.528.354.411**	**23.682.015.836**
1. Hàng tồn kho	141		12.528.354.411	23.682.015.836
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**530.851.481**	**1.001.410.323**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.777.273	114.066.223
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		54.086.475	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		448.987.733	887.344.100
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**8.784.069.532**	**10.516.213.516**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
II. Tài sản cố định	**220**		**8.491.607.919**	**9.970.282.255**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	8.491.607.919	9.970.282.255
Nguyên giá	222		19.229.655.150	20.431.094.969
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.738.047.231)	(10.460.812.714)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		87.477.500	87.477.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.477.500)	(87.477.500)
III. Bất động sản đầu tư	**240**		**-**	**-**
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**292.461.613**	**545.931.261**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		292.461.613	545.931.261
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**101.583.130.740**	**127.364.363.513**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**62.613.946.043**	**84.490.745.340**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**62.613.946.043**	**84.466.985.340**
1. Phải trả người bán	312	4.6	31.259.093.741	22.449.234.617
2. Người mua trả tiền trước	313	4.7	19.852.379.927	48.591.189.729
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.8	1.842.056.491	3.287.175.209
4. Phải trả người lao động	315		4.159.495.330	4.077.892.894
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.9	3.694.721.467	3.387.460.767
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		564.324.314	1.706.525.191
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.241.874.773	967.506.933
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**23.760.000**
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	23.760.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**4.10**	**38.969.184.697**	**42.873.618.173**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**38.969.184.697**	**42.873.618.173**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.927.400.000	25.927.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.136.540.000	1.136.540.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.058.800.890	4.058.800.890
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.473.497.115	1.473.497.115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.372.946.692	10.277.380.168
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**101.583.130.740**	**127.364.363.513**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2013	Tại ngày 01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại			
- *USD*	*6.1*	*121.645,77*	*38.769,06*
- *EUR*	*6.1*	*5.032,99*	*1.683,37*

M.S.D.N: 0100107934 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG - Q.LONG BIÊN - TP.HÀ NỘI

Nguyễn Quốc Trưởng	Nguyễn Đình Thái	Nguyễn Thị Thơm
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**5.1**	**340.252.813.336**	**458.480.467.306**
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**5.1**	**340.252.813.336**	**458.480.467.306**
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	298.018.897.362	405.618.147.323
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**42.233.915.974**	**52.862.319.983**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.120.129.606	8.352.767.240
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4.165.794.055	9.443.705.046
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*30.083.650*	*463.024.077*
8. Chi phí bán hàng	24	5.5	7.034.654.503	10.840.772.426
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	24.253.287.955	27.700.716.710
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**10.900.309.067**	**13.229.893.041**
11. Thu nhập khác	31		160.697.302	678.930.821
12. Chi phí khác	32		545.267.057	316.074.080
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	**40**		**(384.569.755)**	**362.856.741**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**10.515.739.312**	**13.592.749.782**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	2.864.905.013	3.333.062.488
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**7.650.834.299**	**10.259.687.294**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**4.10.3**	**2.951**	**3.957**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG
M.S.D.N: 0100107984 - C.T.C.P
Q.LONG BIÊN - TP.HÀ NỘI

Nguyễn Quốc Trưởng	Nguyễn Đình Thái	Nguyễn Thị Thơm
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**10.515.739.312**	**13.592.749.782**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.5	1.313.233.337	1.523.739.257
- (Hoàn nhập) dự phòng	03		(2.547.266.333)	(761.856.097)
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		32.636.176	(41.039.023)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.262.487.133)	(933.034.596)
- Chi phí lãi vay	06		30.083.650	463.024.077
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**08**		**8.081.939.009**	**13.843.583.400**
- Giảm các khoản phải thu	09		1.387.721.302	6.697.238.584
- Giảm hàng tồn kho	10		11.153.661.425	5.874.066.976
- (Giảm) các khoản phải trả	11		(11.421.695.081)	(12.418.198.575)
- Giảm chi phí trả trước	12		987.148.281	602.202.962
- Lãi tiền vay đã trả	13		(30.083.650)	(463.024.077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.371.377.040)	(5.242.835.248)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (*)	16		(12.017.740.648)	(6.444.536.327)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(4.230.426.402)**	**2.448.497.695**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(78.600.000)	(107.321.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ&TS dài hạn khác	22		7.272.727	326.972.728
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.255.214.406	842.505.848
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**1.183.887.133**	**1.062.157.485**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		12.877.189.520	93.505.865.360
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.877.189.520)	(93.505.865.360)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.889.508.000)	(6.389.932.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(10.889.508.000)**	**(6.389.932.000)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**(13.936.047.269)**	**(2.879.276.820)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4.1**	**34.294.346.747**	**37.183.120.058**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.546.695	(9.496.491)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4.1**	**20.360.846.173**	**34.294.346.747**

(*): Đây chủ yếu là khoản chênh lệch giữa khoản thu và chi hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Nguyễn Quốc Trưởng	Nguyễn Đình Thái	Nguyễn Thị Thơm
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không ("Công ty") trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1173/QĐ/TCCB/LĐ ngày 30/7/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Quyết định số 3892/QĐ- BGTVT ngày 17/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh 6 lần như sau:

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 1	Ngày 18/5/2006
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 2	Ngày 15/8/2007
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 3	Ngày 01/7/2009
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 4	Ngày 05/10/2009
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 5	Ngày 07/7/2011
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 6	Ngày 09/10/2013

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 09/10/2013, Công ty có vốn điều lệ là 25.927.400.000 VND, tương đương 2.592.740 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam sở hữu 41,31%.

Ngày 26/10/2010, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là ARM theo Giấy Chứng nhận Niêm yết Cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Số lao động làm việc tại Công ty ngày 31/12/2013 là 109 người (Tại ngày 31/12/2012 là 115 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 414 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm

- Kinh doanh máy bay, động cơ, dụng cụ, thiết bị, phụ tùng và vật tư máy bay;
- Kinh doanh phương tiện, thiết bị dụng cụ, vật tư, và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Đại lý vé, giữ chỗ hàng không trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá; và
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hoá Công ty kinh doanh.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách Kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu của khách hàng và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh và bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm luân chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cho các cổ đông sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức hàng năm được công bố và chi trả trong năm kế tiếp sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt thông qua.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thu nhập khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bán ra tại ngày 31/12/2013 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia lãi cho các cổ đông.

3.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích các quỹ và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không điều hành trực tiếp cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.11 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 25% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức sau:

- Dịch vụ vận chuyển quốc tế 0%
- Dịch vụ ủy thác nhập khẩu 10%
- Dịch vụ vận chuyển nội địa 10%
- Dịch vụ cho thuê nhà 10%
- Các hàng hóa và dịch vụ khác 10%
- Hàng mây tre đan 5%
- Chiết khấu từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam cho hoạt động bán vé máy bay là thu nhập được miễn thuế GTGT.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Tiền mặt	229.862.857	164.887.493
Tiền gửi ngân hàng	10.130.983.316	18.129.459.254
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	**20.360.846.173**	**34.294.346.747**

4.2 Phải thu của khách hàng và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Phải thu khách hàng	**52.440.903.051**	**38.870.153.590**
Phải thu từ các bên liên quan	**20.783.920.395**	**32.425.911.261**
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	19.014.569.074	31.777.211.089
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	1.769.351.321	648.700.172
Các khoản phải thu bên thứ ba	**31.656.982.656**	**6.444.242.329**
Tổng Công ty Cảng Hàng không VN	13.612.205.165	-
Công ty Trực thăng Miền Nam	6.636.169.078	-
Công ty TNHH Thương mại Hành Tinh Xanh	2.509.596.600	-
Công ty TNHH MTV ALS Thái Nguyên	1.988.985.600	-
Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	1.205.160.000	-
Công ty TNHH Honda Việt Nam	934.220.525	728.204.714
Công ty CP XNK Thiết bị Mỏ Hàn Việt	-	1.345.108.000
Tổng Công ty Thành Thắng	-	867.500.000
Các khách hàng khác	4.770.645.688	3.503.429.615
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	**-**	**(2.547.266.333)**
Cộng	**52.440.903.051**	**36.322.887.257**

4.3 Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Các khoản ứng trước cho bên thứ ba	**6.938.106.092**	**21.524.334.933**
Hãng Mart - USA	-	2.547.266.333
Công ty TNHH Đầu tư B&T	2.401.344.000	-
Công ty TNHH TLD Asia	760.626.240	1.299.473.700
Công ty TNHH Shanghai Cartoo Gse	1.028.282.112	5.218.358.460
Công ty Boardvale Trade LLP - Nga	-	10.934.728.560
Các nhà cung cấp khác	2.747.853.740	1.524.507.880
Cộng	**6.938.106.092**	**21.524.334.933**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Hàng hoá	6.377.172.328	9.187.574.294
Hàng gửi đi bán	6.151.182.083	14.494.441.542
Giá gốc hàng tồn kho	**12.528.354.411**	**23.682.015.836**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	**12.528.354.411**	**23.682.015.836**

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	11.982.795.169	3.145.428.112	5.302.871.688	20.431.094.969
Mua sắm mới	-	-	78.600.000	78.600.000
Giảm khác (*)	(79.178.504)	(25.625.000)	(1.175.236.315)	(1.280.039.819)
Tại ngày 31/12/2013	**11.903.616.665**	**3.119.803.112**	**4.206.235.373**	**19.229.655.150**
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	5.438.701.573	1.313.931.684	3.708.179.457	10.460.812.714
Trích khấu hao	577.760.556	332.558.292	402.914.489	1.313.233.337
Giảm khác (*)	(79.178.504)	(25.625.000)	(931.195.316)	(1.035.998.820)
Tại ngày 31/12/2013	**5.937.283.625**	**1.620.864.976**	**3.179.898.630**	**10.738.047.231**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2013	**6.544.093.596**	**1.831.496.428**	**1.594.692.231**	**9.970.282.255**
Tại ngày 31/12/2013	**5.966.333.040**	**1.498.938.136**	**1.026.336.743**	**8.491.607.919**

(*): Giảm khác là các TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu VND không đáp ứng tiêu chuẩn là TSCĐ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 là 3.929.376.647 VND (Tại ngày 01/01/2013 là 4.354.111.466 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.6 Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Phải trả bên liên quan	**1.556.755.596**	**1.733.860.068**
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	1.556.755.596	1.733.860.068
Phải trả bên thứ ba	**29.702.338.145**	**20.715.374.549**
Hãng TLD - Hồng Kông	3.894.580	2.180.913.000
ADB - Bỉ	-	1.712.635.777
Tập đoàn Gate	7.383.053.525	5.663.101.117
Công ty Cổ phần AVINTECH	5.246.197.600	3.063.504.490
DRIESEN - Hồng Kông	-	1.537.625.600
Công ty XINFA	12.337.248.000	2.501.114.000
Các nhà cung cấp khác	4.731.944.440	4.056.480.565
Cộng	**31.259.093.741**	**22.449.234.617**

4.7 Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Trả trước từ các bên liên quan	**13.074.777.876**	**38.028.036.177**
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	153.392.206	7.392.258.988
Công ty TNHH Kỹ thuật máy bay - VAECO	12.921.385.670	30.635.777.189
Trả trước từ bên thứ ba	**6.777.602.051**	**10.563.153.552**
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	3.830.473.778	1.913.538.000
Công ty Trực thăng Miền Nam	-	1.730.540.400
Khu di tích Chủ tịch HCM tại PCT	-	1.237.052.000
Công ty TNHH MTV Trực thăng Miền Bắc	286.237.500	4.973.676.040
Công ty TNHH MTV ALS Thái Nguyên	1.572.208.000	-
Các khách hàng khác	1.088.682.773	708.347.112
Cộng	**19.852.379.927**	**48.591.189.729**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Thuế Giá trị gia tăng	808.272.624	1.833.622.102
Thuế Xuất nhập khẩu	-	639.152.951
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	858.698.389	365.170.417
Thuế Thu nhập cá nhân	175.085.478	440.434.206
Các loại thuế khác	-	8.795.533
Cộng	**1.842.056.491**	**3.287.175.209**

4.9 Các khoản phải trả phải nộp khác

	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Tạm thu tiền hàng và thuế nhập khẩu từ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	3.200.000.000	3.200.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	494.721.467	187.460.767
Cộng	**3.694.721.467**	**3.387.460.767**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 Vốn chủ sở hữu

4.10.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ SH VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	**25.927.400.000**	**1.136.540.000**	**4.058.800.890**	**1.473.497.115**	**7.139.043.858**	**39.735.281.863**
Lãi trong năm	-	-	-	-	10.259.687.294	10.259.687.294
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(6.222.576.000)	(6.222.576.000)
Chi thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	(78.000.000)	(78.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(820.774.984)	(820.774.984)
Tại ngày 31/12/2012	**25.927.400.000**	**1.136.540.000**	**4.058.800.890**	**1.473.497.115**	**10.277.380.168**	**42.873.618.173**
Tại ngày 01/01/2013	**25.927.400.000**	**1.136.540.000**	**4.058.800.890**	**1.473.497.115**	**10.277.380.168**	**42.873.618.173**
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.650.834.299	7.650.834.299
Chia cổ tức trong năm (i)	-	-	-	-	(10.889.508.000)	(10.889.508.000)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(229.525.029)	(229.525.029)
Chi thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	-	-	(74.500.000)	(74.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(765.083.430)	(765.083.430)
Tăng khác (ii)	-	-	-	-	403.348.684	403.348.684
Tại ngày 31/12/2013	**25.927.400.000**	**1.136.540.000**	**4.058.800.890**	**1.473.497.115**	**6.372.946.692**	**38.969.184.697**

(i): Chia cổ tức năm 2012 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên 2013 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không số 08/2013/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 29/5/2013.

(ii): Tăng khác là khoản giảm các khoản chi phí đã phân bổ vào các năm trước theo quyết định thanh tra thuế số 42938 và 42939 ngày 28/10/2013 của Cục Thuế Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

4.10.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh		Số vốn đã góp				
			Tại ngày 31/12/2013			Tại ngày 01/01/2013	
	Số tiền 1.000 VND	%	Số cổ phần 1.000 CP	Số tiền 1.000 VND	Thặng dư vốn 1.000 VND	Số cổ phần 1.000 CP	Số tiền 1.000 VND
TCT Hàng không Việt Nam	10.710.000	41,31	1.071	10.710.000	-	1.071	10.710.000
Các cổ đông khác	15.217.400	58,69	1.521,74	15.217.400	1.136.540	1.521,74	15.217.400
Cộng	**25.927.400**	**100**	**2.592,74**	**25.927.400**	**1.136.540**	**2.592,74**	**25.927.400**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

4.10.2 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2013 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.592.740	2.592.740
- Cổ phiếu phổ thông	*2.592.740*	*2.592.740*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.592.740	2.592.740
- Cổ phiếu phổ thông	*2.592.740*	*2.592.740*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng/CP	10.000	10.000

4.10.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận sau thuế	7.650.834.299	10.259.687.294
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.592.740	2.592.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	**2.951**	**3.957**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**340.252.813.336**	**458.480.467.306**
Doanh thu bán hàng hóa	280.090.384.209	411.742.588.947
Doanh thu dịch vụ ủy thác nhập khẩu	16.492.107.862	17.983.150.105
Doanh thu dịch vụ ủy thác vận chuyển	32.198.688.555	17.749.364.486
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà	9.071.875.896	8.197.792.732
Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay	2.289.049.314	2.302.732.790
Doanh thu dịch vụ khác	110.707.500	504.838.246
Doanh thu thuần	**340.252.813.336**	**458.480.467.306**

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán hàng hóa	267.164.375.320	388.498.806.735
Giá vốn dịch vụ ủy thác vận chuyển	30.765.844.842	16.804.454.364
Giá vốn dịch vụ khác	88.677.200	206.449.800
Dự phòng giảm giá HTK và bảo hành Công trình	-	108.436.424
Cộng	**298.018.897.362**	**405.618.147.323**

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi	1.255.214.406	842.505.848
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.864.915.200	7.469.222.369
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	41.039.023
Cộng	**4.120.129.606**	**8.352.767.240**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	30.083.650	463.024.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.103.074.229	8.980.680.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.636.176	-
Cộng	**4.165.794.055**	**9.443.705.046**

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	8.109.722.501	9.260.444.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.652.456	77.816.979
Chi phí hoa hồng bán vé máy bay	-	144.208.000
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng phải trả	(1.104.720.454)	1.358.302.633
Cộng	**7.034.654.503**	**10.840.772.426**

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.318.591.999	13.531.381.208
Chi phi vật liệu văn phòng	1.340.295.212	762.483.532
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	307.764.000	306.049.174
Chi phí khấu hao tài sản	1.283.580.881	1.445.922.278
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(2.547.266.333)	(721.122.469)
Thuế và các khoản lệ phí	345.989.836	732.662.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.861.393.462	8.442.308.186
Chi phí khác bằng tiền	3.342.938.898	3.201.032.801
Cộng	**24.253.287.955**	**27.700.716.710**

5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**10.515.739.312**	**13.592.749.782**
Điều chỉnh các khoản tăng/(giảm) lợi nhuận	**398.350.502**	**(260.499.829)**
Các khoản chênh lệch vĩnh viễn	***398.350.502***	***(260.499.829)***
Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	393.066.306	-
Các khoản thu nhập/ chi phí không tính thuế khác	5.284.196	(260.499.829)
Các khoản chênh lệch tạm thời	-	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh	**10.914.089.814**	**13.332.249.953**
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm	**10.914.089.814**	**13.332.249.953**
Thuế suất (%)	25%	25%
Thuế TNDN ước tính trong năm	**2.728.522.454**	**3.333.062.488**
Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết định Thanh tra thuế số 42939 ngày 28/10/2013	136.382.559	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành ước tính	**2.864.905.013**	**3.333.062.488**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	365.170.417	2.274.943.177
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.371.377.040)	(5.242.835.248)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**858.698.389**	**365.170.417**

5.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	20.428.314.500	22.791.826.022
Chi phí vật liệu	268.504.670.532	389.371.775.179
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	307.764.000	306.049.174
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.313.233.337	1.523.739.257
Chi phí bảo dưỡng sửa chữa TSCĐ	-	778.795.848
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(2.547.266.333)	(761.856.097)
Thuế và các khoản lệ phí	345.989.836	732.662.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.611.195.050	26.155.571.815
Chi phí khác bằng tiền	3.342.938.898	3.261.073.261
Cộng	**329.306.839.820**	**444.159.636.459**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Công cụ tài chính

6.1.1 Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (Bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.12 "Công cụ tài chính".

	Giá trị ghi sổ	
Tài sản tài chính	**Tại ngày 31/12/2013 VND**	**Tại ngày 01/01/2013 VND**
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.360.846.173	34.294.346.747
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.440.903.051	38.893.308.491
Cộng	**72.801.749.224**	**73.187.655.238**

	Giá trị ghi sổ	
Công nợ tài chính	**Tại ngày 31/12/2013 VND**	**Tại ngày 01/01/2013 VND**
Phải trả người bán và phải trả khác	34.953.815.208	25.836.695.384
Cộng	**34.953.815.208**	**25.836.695.384**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

6.1.1 Các loại công cụ tài chính (Tiếp)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà chúng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Với hoạt động của mình, Công ty phải đối mặt với rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro này như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Công ty không có rủi ro lãi suất trọng yếu do phần lớn các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

	Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2013 VND	Tại ngày 01/01/2013 VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	121.645,77	38.769,06
Phải thu khách hàng, trả trước cho người bán	USD	283.274,08	17.388,96
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	USD	(1.190.718,71)	(1.031.202,48)
Nợ phải trả tài chính khác	USD	-	-
Tài sản/nợ phải trả tài chính thuần	**USD**	**(785.798,86)**	**(975.044,46)**
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	EUR	5.032,99	1.683,37
Phải thu khách hàng, trả trước cho người bán	EUR	11.395,95	32.862,98
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	EUR	(89.813,78)	(142.469,31)
Tài sản/nợ phải trả tài chính thuần	**EUR**	**(73.384,84)**	**(107.922,96)**
Tài sản tài chính			
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán, người mua trả tiền trước	GBP	(400,00)	-
Tài sản tài chính thuần	**GBP**	**(400,00)**	**-**

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng đáng kể nào. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 6.3 "Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp)

6.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc tổng tài sản ngắn hạn lớn hơn 1,39 lần so với nợ ngắn hạn, duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Qua đó, làm giảm rủi ro thanh khoản của Công ty và hiện tại, Công ty đang đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Dưới đây là bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	25.836.695.384	-	25.836.695.384
Tại ngày 31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	34.953.815.208	-	34.953.815.208

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty; Tổng Công ty Hàng không Việt Nam và các công ty trực thuộc Tổng Công ty;

Trong năm, Công ty có số dư và nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	**108.225.945.188**	**131.906.778.654**
Doanh thu bán hàng hóa	66.493.013.425	100.759.644.693
Doanh thu ủy thác vận chuyển	30.890.470.010	17.371.084.486
Doanh thu ủy thác nhập khẩu	10.076.860.923	12.352.483.884
Doanh thu dịch vụ bán vé máy bay	654.893.330	1.166.529.441
Doanh thu khác	110.707.500	257.036.150
Công ty TNHH KT Máy bay VAECO	**20.546.599.176**	**16.508.987.985**
Doanh thu bán hàng hóa	13.925.818.182	10.538.381.000
Doanh thu ủy thác vận chuyển	355.120.000	378.280.000
Doanh thu ủy thác nhập khẩu	6.265.660.994	5.592.326.985
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	**4.391.509.087**	**393.976.000**
Doanh thu bán hàng hóa	4.391.509.087	393.976.000
Cộng	**133.164.053.451**	**148.809.742.639**

Số dư với bên liên quan

- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.2 - "Phải thu của khách hàng"
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.6 - "Phải trả người bán"
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.7 - "Người mua trả tiền trước"
- Xem chi tiết tại thuyết minh số 4.9 - "Các khoản phải trả, phải nộp khác"

Thu nhập của Ban Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	1.386.781.633	1.686.643.461
Thù lao của Hội đồng Quản trị và BKS	184.000.000	186.000.000
Cộng	**1.570.781.633**	**1.872.643.461**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.3 Các cam kết quan trọng

Cam kết cung cấp trang thiết bị

Ngày 28/12/2008, Công ty ký hợp đồng số 213/HĐKT với Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Trung về việc cung cấp và lắp đặt thiết bị hệ thống đèn hiệu hàng không đường CHC 35L-17R, 35R -17L và phần nguồn cho hệ thống đèn hiệu Cảng Hàng không Đà Nẵng có trị giá 1.825.068,51 EUR và 20.228.934.862 VND. Hợp đồng này kéo dài khoảng ba năm. Ngày 08/02/2012, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 09 ngày 08/11/2012 nhằm bổ sung hợp đồng số 213/HĐKT với giá trị điều chỉnh là 1.964.069,15 EUR và 21.374.343.807 VND.

Đến ngày 31/12/2013, Công ty đã thực hiện được khoảng 85% khối lượng công việc.

6.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

6.5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng Không đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội được trình bày nhằm mục đích so sánh.

Nguyễn Quốc Trưởng	Nguyễn Đình Thái	Nguyễn Thị Thơm
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Ngày 20 tháng 3 năm 2014